

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng tại mỏ đá buôn Cháy, xã Ea Droh, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép Công ty TNHH An Nguyên khai thác và chế biến đá xây dựng tại Mỏ đá buôn Cháy, xã Ea M’Droh, huyện Cư M’Gar, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 3412/UBND-NNMT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH An Nguyên lập thủ tục điều chỉnh Giấy phép khai thác số 2183/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét Công văn số 2115/STNMT-MT ngày 18/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá xây dựng tại Mỏ đá buôn Cháy, xã Ea M’Droh, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk”, công suất khai thác 100.000 m³ đá nguyên khai/năm; Ý kiến thẩm định của Ủy viên Hội đồng (đại diện Sở Tài chính) về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ngày 08/4/2024; Công văn số 124/CV-AN đề ngày 12/4/2024 của Công ty TNHH An Nguyên về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng công trình

nâng công suất khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá buôn Cháy, xã Ea Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 143/TTr-STNMT ngày 06 / 5 /2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá buôn Cháy, xã Ea Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk” (Sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH An Nguyên (Sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cư M'gar;
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH An Nguyên (Đ/c: số 35 Bà Triệu, phường Tự An, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÂNG CÔNG SUẤT CÔNG TRÌNH KHAI THÁC
VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI MỎ ĐÁ BUÔN CHÁY, XÃ EA M'DROH, HUYỆN CƯ M'GAR,
TỈNH ĐẮK LẮK”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá buôn Cháy, xã Ea Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án: Công ty TNHH An Nguyên
- Địa điểm thực hiện: Buôn Cháy, xã Ea Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.
- Địa chỉ liên hệ: số 35 đường Bà Triệu, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Người đại diện: Ông Hoàng Đình Chương, Chức vụ: Giám đốc.

1.2. Phạm vi và quy mô công suất:

- Tổng diện tích đất thực hiện Dự án là 20 ha (Theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của UBND tỉnh). Trong đó: diện tích khai trường khai thác đá là 18,687 ha; diện tích khu vực phụ trợ là 0,1 ha; diện tích khu vực để lại không khai thác là 1,213 ha (Bao gồm: Diện tích đường giao thông và hành lang an toàn bảo vệ đường giao thông là 0,533 ha; diện tích không đưa vào khai thác là 0,68 ha); bố trí bãi thải trong khu vực khai trường.
- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này không bao gồm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ Dự án.
- Công suất khai thác: Nâng công suất từ 62.350 m³ đá nguyên khai/năm lên 100.000 m³ đá nguyên khai/năm; đất bóc tầng phủ: 23.708 m³.
- Công suất chế biến: Đá thành phẩm các loại: 82.900 m³/năm, bao gồm: Đá 4x6 (16.000m³); đá 2x4 (14.300m³); đá 1x2 (35.200m³); đá hộc (9.100m³); đá <1cm, đá mi (8.300m³).

1.3. Công nghệ khai thác, chế biến:

1.3.1. Công nghệ khai thác: Khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, gồm các khâu công nghệ: Mở vỉa, bóc tầng đất phủ, phá vỡ đất đá bằng khoan nổ mìn lỗ khoan đường kính lớn, bóc xúc máy xúc thủy lực E = 1,1 m³, vận chuyển bằng ô tô.

- Trình tự khai thác bao gồm các bước như sau: Chuẩn bị mặt bằng bãi khoan; khoan, nổ mìn; xúc bóc, vận chuyển đá nguyên khai về khu chế biến.

- Quá trình khai thác của mỏ được thực hiện khai thác từ tầng trên xuống tầng dưới, trong quá trình khai thác có thể duy trì với một tầng đất phủ và trung bình 02 tầng đá đồng thời ở cả 2 khu vực được cấp phép.

Hiện tại mỏ đang được khai thác trên diện tích là 7,3 ha (Gồm có: tại khu vực 1 là 4,4 ha; tại khu vực 2 là 2,9 ha) với chiều sâu tầng khai thác trung bình là 7 m; đã bóc tầng phủ trên diện tích là 0,6 ha ở khu vực 2 với chiều sâu 1 m. Dự kiến quá trình khai thác tiếp theo sẽ được tiến hành từ moong đang khai thác ở khu vực 2 hướng dần về phía Nam đến hết ranh giới khu vực 2 và khai thác theo hướng từ Bắc xuống Nam, hết tầng 1 đến tầng 2 và tầng 3 đến cao trình dừng (theo độ cao của địa hình).

Sau đó, khai thác đến diện tích còn lại của khu vực 1. Riêng diện tích khu vực 1 có một phần nhỏ diện tích ở góc M1 không có thân khoáng (địa hình dưới cao trình không chế thân quặng) nên khu vực này sẽ khai thác ở khu vực có địa hình từ +298 m trở lên. Địa hình khu vực này cũng cao ở phía Bắc và thấp dần về phía Nam. Do đó, trình tự khai thác sẽ tiến hành lần lượt hết tầng 1 (ở vị trí có cao trình địa hình cao nhất) đến tầng 2 hoặc tầng 3 đến cao trình không chế thân quặng.

1.3.2. Công nghệ chế biến: Dự án đã đầu tư hai hệ thống đập nghiền sàng di động do nước Nga sản xuất, col 900 với năng suất 150 tấn/giờ ($\approx 100 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

Trình tự khai thác, chế biến: Bóc tầng đất phủ → Khoan khai thác → Nổ mìn → Bóc xúc → Vận chuyển về khu chế biến (nghiền, sàng) → Bãi chứa → Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

1.3.3. Thời gian thực hiện dự án (nâng công suất):

Dự kiến là 17 năm 6 tháng; thời gian thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác là 6 tháng.

1.4. Các hạng mục, công trình và hoạt động của dự án:

1.4.1. Các hạng mục, công trình của dự án:

a) Các hạng mục công trình chính:

- 02 Hệ thống đập nghiền sàng, công suất 150 tấn/giờ ($100 \text{ m}^3/\text{giờ}$); $Q_2 = 150 \text{ tấn/giờ}$ ($100 \text{ m}^3/\text{giờ}$), diện tích đặt 02 hệ thống đập nghiền sàng là 150 m^2 .

- 01 Bãi chứa đá thành phẩm, diện tích là 1.500 m^2 .

- 02 Bãi thải: Bãi thải trong (Nằm trong moong đã khai thác thuộc khu vực khai thác 1 và 2).

b) Các hạng mục công trình phụ trợ (Hiện có, tiếp tục sử dụng và đầu tư mới):

- Hiện có, tiếp tục sử dụng: Nhà vệ sinh (diện tích 20 m^2); giếng khoan (diện tích 10 m^2); trạm điện (diện tích 10 m^2); trạm cân 80 tấn (diện tích 30 m^2).

- Đầu tư mới: Văn phòng, nhà điều hành (Nhà container, diện tích 50 m^2); nhà ở công nhân (Nhà container, diện tích 50 m^2); kho chất thải nguy hại (diện tích 9 m^2); kho nhiên liệu, vật tư (diện tích 9 m^2); đường đi và sân nội bộ khu phụ trợ.

c) Các công trình bảo vệ môi trường:

- Hệ thống phun nước chống bụi đập nghiền sàng (02 hệ thống).
- Khu vực chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt (diện tích 20 m²).
- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt (03 cái);
- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại (06 cái);
- Kho lưu chứa chất thải nguy hại (01 nhà kho, diện tích 9 m²).
- Bể tự hoại (01 bể; dung tích 11m³; kích thước 2,7m x 2,2m x 1,85m).
- Hồ lắng (Hồ thu nước trong moong): 01 hồ lắng tại tầng khai thác 1 của khu vực 1 (Kích thước 10m x 10m x 3m; dung tích 300 m³); 01 hồ lắng tại tầng khai thác 2 của khu vực 1 (Kích thước 25 m x 20m x 3m; dung tích 1.500 m³); 02 hồ lắng tại tầng khai thác 1 và tầng khai thác 2 của khu vực 2 (Kích thước 25 m x 20m x 3m, dung tích 1.500 m³/hồ).

- Hệ thống thoát nước từ hồ lắng trong moong khai thác ra khe cạn và thoát ra suối Ea M'droh: Tại khu vực khai thác 1 sẽ lắp đặt 01 cống dẫn (dài 42m) để thoát nước từ hồ lắng ra khe cạn và chảy ra suối Đăk M'droh ở phía Tây Nam (Lắp đặt cống tại cao trình +297,5 m); tại khu vực khai thác 2 sẽ lắp đặt 01 cống dẫn (dài 50 m) để thoát nước từ hồ lắng ra khe cạn và chảy ra suối Đăk M'droh ở phía Đông (Lắp đặt cống tại cao trình +305 m).

- Đê bao xung quanh khu vực moong khai thác (Được đắp theo tiến độ khai thác) với chiều dài là 886 m (Đê bao tại khu vực 1 dài 562 m; tại khu vực 2 dài 324 m); chiều cao 1 m; chiều rộng mặt đáy 3 m; chiều rộng mặt đê 1 m.

1.4.2. Các hoạt động của dự án:

- Hoạt động khai thác và chế biến đá (vận hành khai thác, khoan nổ mìn, xúc bốc vận chuyên, nghiền sàng).
- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án.
- Hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Hoạt động của các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án được thực hiện trên phạm vi diện tích đã được UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH An Nguyên khai thác và chế biến đá xây dựng tại Mỏ đá buôn Cháy, xã Ea M'Droh, huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 và Công văn số 3412/UBND-NNMT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH An Nguyên lập thủ tục điều chỉnh Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 (nâng công suất). Trong phạm vi diện tích dự án nâng công suất không có công trình có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Các hoạt động: Xây dựng khu phụ trợ mới (Lắp đặt các container; xây dựng kho chất thải nguy hại; kho nhiên liệu, vật tư; đường đi và sân nội bộ khu phụ trợ); tháo dỡ và di dời hệ thống đập nghiền sàng (Thực hiện vào năm khai thác thứ 11).

- Các tác động môi trường: Khí thải, bụi, tiếng ồn từ các máy móc thiết bị thi công xây dựng; nước thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; các rủi ro, sự cố (có thể xảy ra).

2.2. Giai đoạn hoạt động của dự án:

- Các hoạt động: Hoạt động của các thiết bị khai thác, khoan, nổ mìn, xúc bốc, sàng, nghiền; hoạt động vận chuyển của các phương tiện vận chuyển; bảo dưỡng máy móc, thiết bị của dự án; sinh hoạt của cán bộ công nhân tại dự án.

- Các tác động môi trường: Khí thải, bụi, độ rung, tiếng ồn từ các phương tiện khai thác và chế biến, vận chuyển; nước thải sinh hoạt; nước tháo khô moong; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp; chất thải nguy hại; các rủi ro, sự cố môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân với lưu lượng khoảng $0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm (tính cho 08 người). Thành phần chủ yếu gồm: Các chất lơ lửng (SS); các hợp chất hữu cơ (BOD, COD); các chất dinh dưỡng (N, P); dầu mỡ động, thực vật; Coliform.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn trên toàn diện tích dự án ước tính lớn nhất là $211,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (trung bình $84,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Trong đó: lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích khu phụ trợ lớn nhất là $11,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (trung bình khoảng $4,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$); trên khu vực khai thác 1 lớn nhất là $61,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (trung bình $24,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$), trên khu vực khai thác 2 lớn nhất là $33,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (trung bình $13,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$); trên khu vực không khai thác lớn nhất là $104,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (trung bình $41,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Thành phần chủ yếu gồm: TSS, COD ...

+ Nước tháo khô moong: Bao gồm nước mưa chảy vào moong và nước ngầm, trung bình khoảng $2.421 \text{ m}^3/\text{ngày}$, lưu lượng lớn nhất là $6.079 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (ước tính vào năm khai thác thứ 17 với lượng nước mưa ngày lớn nhất). Thành phần chủ yếu là TSS, COD và độ pH cao.

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án tại khu vực văn phòng, nhà ở với lưu lượng khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm (tính cho 20 người). Thành phần chủ yếu gồm: Các chất lơ lửng (SS); các

hợp chất hữu cơ (BOD, COD); các chất dinh dưỡng (N, P); dầu mỡ động, thực vật; Coliform.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động xây dựng khu phụ trợ; tháo dỡ và di dời hệ thống đập nghiền sàng (Thực hiện vào năm khai thác thứ 11). Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO, ...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động đắp đê bao tại khu vực 1 và khu vực 2; hoạt động khoan, nổ mìn, nghiền sàng, xúc bốc; các phương tiện vận chuyển. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 6,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: phát sinh khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Đất đắp để cấp liệu tại khu vực 2 (Phát sinh từ các hoạt động phá dỡ để cấp liệu tại khu vực 1) khoảng 1.280 m³.

- Giai đoạn vận hành: Đất phủ phát sinh từ hoạt động bóc tầng phủ khoảng 25.708m³ (khối lượng này được bóc xúc theo trình tự khai thác của mỏ); sinh khối phát sinh từ quá trình phát quang lớp phủ thực vật ước tính khoảng 20 tấn.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Giai đoạn vận hành phát sinh chất thải nguy hại với thành phần chủ yếu gồm: Bóng đèn hỏng (10 bóng); bình ắc quy hỏng (3 bình); dầu nhớt thải (220 lít/năm); giẻ lau, găng tay dính dầu (73 kg/năm).

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; máy móc, thiết bị thi công, xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động khoan đá, nổ mìn, chế biến đá, thiết bị xúc bốc, phương tiện vận chuyển.

3.4. Các tác động môi trường khác:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Tác động do sự cố, rủi ro như: tai nạn lao động; sự cố cháy, nổ,

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án và vùng dự án.

+ Tác động do hoạt động khai thác nước dưới đất: Việc khai thác nước ngầm thường xuyên, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước và gây sụt lún công trình

+ Tác động do sự cố, rủi ro như: tai nạn lao động, tai nạn do nổ mìn, sạt lở bờ moong, đá văng, ngập lụt, sạt lở trong mùa mưa ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh và bể tự hoại 3 ngăn đã có.

b) Giai đoạn vận hành:

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực phụ trợ: Được thu gom và chảy theo địa hình về khe suối, sau đó thoát về suối Đắc M'doh.

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực không khai thác: Được chảy theo địa hình về khe suối, sau đó thoát về suối Đắc M'doh.

+ Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác: Đắp đê bao dọc ranh khu vực khai thác để hạn chế nước mặt chảy tràn vào moong khai thác (Tổng chiều dài là 886 m; kích thước: chiều cao 1 m x chiều rộng đáy 3 m x chiều rộng bề mặt 1 m). Trong đó: Tại khu vực khai thác 1 sẽ đắp đoạn đê từ phía Bắc xuống phía Nam (Đoạn M2M3, một phần đoạn M1M2, 1 phần đoạn M3M4) với chiều dài đê bao là 562 m; tại khu vực khai thác 2 sẽ đắp đoạn đê từ phía Tây sang Đông (Đoạn M6M7) với chiều dài đê bao là 324 m.

- Đối với nước tháo khô moong:

+ Tại Khu vực 1: Tiếp tục áp dụng biện pháp đã áp dụng tại tầng khai thác 1 (Thu gom nước tháo khô moong về hố lắng đã có ở phía Tây Nam khu vực 1, dung tích hố lắng là 300 m³; sau đó bơm nước ra khe cạn và thoát về suối Đắc M'doh. Khi dự án khai thác đến tầng thứ 2 (cao trình +295 m), tiến hành đào thêm 1 hố lắng ở cao trình +292 m (Hố lắng có kích thước: 25m x 20m x 3m; dung tích 1.500 m³); lắp đặt cống dẫn nước từ đoạn giáp ranh M1 ra khe cạn và thoát dẫn ra suối Đắc M'droh ở phía Tây Nam (Cống dài 42m; lắp đặt tại cao trình +297,5 m).

+ Tại Khu vực 2: Đào hố lắng tại mỗi tầng khai thác, thấp hơn mặt bằng khai trường 3 m (Hố lắng có kích thước: 25m x 20m x 3m; dung tích 1.500 m³); lắp đặt cống dẫn nước từ đoạn giáp ranh giữa M8M9 ra khe cạn và thoát ra suối Đắc M'droh ở phía Đông (Cống dài 50m; lắp đặt tại cao trình +305 m).

+ Yêu cầu nước tháo khô moong phải đảm bảo được thu gom, xử lý đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, hệ số K_q = 0,9; K_f = 0,9) trước khi thải ra suối Đắc M'doh.

+ Định kỳ nạo vét hố lắng, hố thu và mương thoát nước (06 tháng/lần).

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn đã có (Kích thước: 2,7m x 2,2 m x 1,85m; dung tích 11 m³), sau

đó chảy vào hồ thu; định kỳ Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Bùn phát sinh từ bể tự hoại: Định kỳ hàng năm hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án theo đúng quy định. Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động dự án phải được thu gom, xử lý đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) trước khi thoát ra suối Đăk M'doh; nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại phải hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, tuân thủ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Về giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, chấn động và các ô nhiễm khác:

a) Giai đoạn thi công:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải, và các khu vực thi công với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày vào những ngày nắng nóng.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển.

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; chở đúng tải trọng quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai, kết hợp thuốc nổ như sử dụng thuốc nổ Anfo (D60, D90), Nhũ tương (D32, D32-D90, D90), Amonit số 1. Khối lượng thuốc nổ trong mỗi đợt nổ mìn được tính toán đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu tiếng ồn và đá văng.

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật trong hoạt động nổ mìn; đảm bảo khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, công trình theo quy định; thời gian nổ mìn thực hiện theo hộ chiếu đã được phê duyệt. Thông báo lịch nổ mìn cho chính quyền địa phương, công nhân và người lao động làm việc tại mỏ và người dân vùng lân cận được biết.

- Các phương tiện vận tải phải đảm bảo đúng trọng tải cho phép; được phủ bạt che kín để hạn chế phát tán bụi ra môi trường. Khi xảy ra hiện tượng rơi vãi, phải cho thu dọn ngay trong ngày.

- Phun nước định kỳ tại các khu vực phát sinh bụi (Khu vực khai thác, bãi thải, bãi chứa đá thành phẩm) để giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình bốc xúc; sử dụng xe bồn phun nước định kỳ trên các tuyến đường vận chuyển trong khu vực Dự án.

- Sử dụng hệ thống phun nước dập bụi tại hệ thống đập nghiền sàng (Mỗi băng tải lắp 2 đường ống) để giảm thiểu tác động do bụi trong quá trình chế biến đá. Tại các đầu băng tải sử dụng các vòi phun sương để tạo độ ẩm và chống bụi khi sản phẩm bắt đầu rơi xuống. Các vòi phun sương này được tạo ra bởi máy phun sương có công suất 3 KW; lưu lượng nước phun sương là 50 lít/giờ. Thiết bị phun sương được lắp đặt 5 đầu vòi tại tất cả các công đoạn của hệ thống sản xuất: hàm đập, hàm nghiền, sàng, đầu băng tải.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ; trang bị bảo hộ cho công nhân, người lao động theo đúng quy định.

- Tiếp tục duy trì và trồng thêm cây xanh:

+ Duy trì hàng cây xanh đã có xung quanh khu vực dự án.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực khai thác (Gồm 01 hàng cây dọc tuyến đê bao và 01 hàng cây cách đê bao 2 m; dự kiến trồng cây keo tràm với tổng số cây trồng là 6.276 cây, đã bao gồm trồng dặm 30%).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác mỏ (QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên) và các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành (QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Đối với chất thải sinh hoạt: Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn và xử lý theo quy định. Chất thải có thể tái chế sẽ được thu gom và bán cho đơn vị thu mua phế liệu; chất thải hữu cơ sẽ được thu gom về các thùng chứa có nắp đậy và xử lý bằng biện pháp chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực dự án.

- Đất đá thải được vận chuyển và đổ thải vào bãi thải trong của khu vực 1.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại, lưu chứa tạm thời vào các thùng chứa có nắp đậy tại khu vực phụ trợ và có biện pháp xử lý phù hợp (Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực dự án, hố chôn lấp phải có kích thước phù hợp và thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh theo quy định; chất thải có thể tái chế chuyển giao cho các cơ sở thu mua). Khi khu vực dự án có đơn vị dịch vụ môi trường thu gom chất thải sinh hoạt, yêu cầu chủ dự án hợp đồng để vận chuyển chất thải đi xử lý, đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối (Cành, lá, rễ cây thu gom trong quá trình bóc dỡ tầng phủ theo tiến độ khai thác) được tận dụng hoặc đào hố chôn lấp trong khu vực dự án.

+ Khối lượng đất phủ, đất đá thải được thu gom về các bãi thải trong; một phần được giữ lại để sử dụng trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường của dự án (khoảng 2.000 m³), một phần được bán cho các đơn vị có nhu cầu làm làm nguyên liệu san lấp (khoảng 23.708 m³). Chủ Dự án phải tuân thủ đầy đủ các quy định về cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án tuân thủ các quy định về quản lý chất thải tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải, đảm bảo việc đổ thải đất đá đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.2.2. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH) đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại tại kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu vực phụ trợ (Diện tích 09 m²; nền xi măng, tường vây tôn, mái lợp tôn; có lắp biển cảnh báo; bên trong kho có bố trí 06 thùng chứa CTNH và dán mã CTNH theo quy định).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình vận hành dự án.

- Thiết lập hành lang an toàn trong quá trình nổ mìn; trong thời gian nổ mìn không cho người qua lại trong phạm vi hành lang nổ mìn. Lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm; xây dựng rào chắn bao quanh khu vực khai thác.

- Tuân thủ đúng phương án khai thác đã được phê duyệt; đảm bảo quy định tại QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Áp dụng biện pháp nổ mìn vi sai, thực hiện nổ mìn theo hộ chiếu để giảm thiểu chấn động.

- Nước tháo khô moong được thu gom về hố lắng chặn trước khi chảy ra khe cạn, phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$) để giảm thiểu ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước suối Đắc M'doh.

- Bố trí hố thu nước, có bơm dự phòng để kịp thời thoát nước tháo khô mỏ; thường xuyên nạo vét rãnh, mương thoát nước để ứng phó sự cố ngập moong khai thác khi trời mưa lớn, kéo dài. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý để giảm thiểu tác động đến suối Đắc M'doh và khu vực lân cận dự án.

- Tuân thủ nghiêm các quy định an toàn tại kho nguyên vật liệu.

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động để nâng cao ý thức, trách nhiệm cho công nhân và người lao động.

- Trang bị đầy đủ các loại bảo hộ lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân và người lao động tại dự án.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện. Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại dự án.

- Trường hợp các phương tiện, thiết bị thi công, xe vận chuyển đá làm hư hỏng công trình, đường giao thông (liên xã, thôn, xóm,...), chủ dự án có trách nhiệm đền bù thiệt hại hoặc sửa chữa, khắc phục kịp thời.

4.4. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

4.4.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khu vực khai thác: Cải tạo thành hồ chứa nước, cải tạo bờ moong đảm bảo an toàn, kỹ thuật; củng cố bờ moong, san gạt đáy moong, lắp hàng rào, biển báo; trồng cây xanh; lắp đặt cống lưu thông nước, xây dựng đê bao và tu sửa tuyến đê bao.

- Khu chế biến: Tháo dỡ các hạng mục công trình.

- Khu vực phụ trợ: Tháo dỡ các hạng mục công trình, san gạt mặt bằng, trồng cây xanh.

- Các hoạt động khác: Nạo vét khu vực suối giáp mương thoát nước của dự án; vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ; đo vẽ địa hình khi kết thúc khai thác; giám sát chất lượng môi trường khu vực cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp khác như đã nêu trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Việc thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án phải phù hợp với quy hoạch của địa phương.

Bảng tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
I	Trong quá trình khai thác		
1	Xây dựng đê bao moong (dài 886 m)	m ³	1.772
2	Lắp đặt hàng rào kẽm gai	m	2.354

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
2.1	Cột bê tông	cột	589
2.2	Kẽm gai	m	16.478
3	Lắp đặt biển báo	cái	24
4	Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác	cây	6.276
II	Sau khi kết thúc khai thác		
1	Khai trường		
1.1	Củng cố bờ moong		
1.1.1	Củng cố bờ moong trong đất phủ (Chiều dài 2.354 m; góc nghiêng sườn tầng kết thúc là 45 ⁰)	m ³	1.177
1.1.2	Củng cố bờ moong trong đá gốc (Chiều dài 2.354m, chiều cao tầng kết thúc trung bình 12m; bóc bỏ đá nhô, đá treo trên các sườn tầng)	m ³	141,24
1.2	San gạt đáy moong khai thác (diện tích 175.870m ²)	m ³	17.587
1.3	Lắp đặt cống thoát nước (Đào hào đặt cống, kích thước rộng 2m x 3m, khối lượng đào 552 m ³ ; lắp đặt cống bê tông D 1000m, khối lượng đất đắp là 197,34 m ³)	m	92
1.4	Tu sửa đê bao dài 886 m	m ³	886
2	Bãi thải đất đá		0
3	Khu chế biến		
3.1	Tháo dỡ hệ thống đập nghiền sàng	tấn	10
3.2	Phá bỏ, san gạt cầu cạn lên xuống mặt bằng khu vực cấp liệu	m ³	1.280
3.3	Tháo dỡ trạm biến áp	tấn	1,3
4	Khu vực phụ trợ		
4.1	Tháo dỡ 2 nhà container	tấn	9,4
4.2	Tháo dỡ nhà vệ sinh, bể tự hoại, nhà kho		
4.2.1	Tháo dỡ tường	m ³	8
4.2.2	Tháo dỡ nền bê tông	m ³	4
4.2.3	Tháo dỡ mái tôn	m ²	38
4.2.4	Tháo dỡ cửa	m ²	6
4.3	Tháo dỡ trạm cân 80T		
4.3.1	Phá dỡ sàn kết cấu bê tông, nền móng không có cốt thép	m ³	10
4.3.2	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	Tấn	2
4.4	Phá dỡ bể tự hoại	m ³	12
4.5	Lắp đặt biển báo tại khu vực giếng nước	cái	1
4.6	Vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ		
4.6.1	Vận chuyển vật liệu ra khỏi dự án bằng ô tô tải 7 tấn	ca	10
4.6.2	Thu gom và vận chuyển chất thải thông thường đi xử lý	tấn	200
4.6.3	Thu gom và vận chuyển CTNH đi xử lý	tấn	0,2

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
4.7	San gạt mặt bằng khu phụ trợ	m ³	300
4.8	Trồng cây xanh khu phụ trợ	ha	0,1
5	Tu sửa đường giao thông	m ²	0
6	Nạo vét khu vực suối giáp mương thoát nước của dự án	m ³	200
7	Đo vẽ địa hình khi kết thúc khai thác	Bản đồ	1
8	Giám sát môi trường	năm	Thực hiện 1 năm trong quá trình cải tạo, PHMT

4.6.2. Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (sau khi làm tròn) là: **2.071.930.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ không trăm bảy mươi một triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng), chưa tính đến yếu tố trượt giá, thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 và điểm c khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Bao gồm:

- + Chi phí xây dựng: 1.561.992.169 đồng
- + Chi phí duy tu, bảo trì và hành chính: 156.199.217 đồng
- + Chi phí quản lý dự án: 55.560.061 đồng
- + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình: 199.515.710 đồng
- + Chi phí dự phòng: 98.663.358 đồng.

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đắk Lắk với số tiền là **821.868.000 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng). Do đó, số tiền ký quỹ của dự án phải thực hiện là **1.250.062.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng), chưa tính đến yếu tố trượt giá, thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 và điểm c khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phương thức ký quỹ:

+ Số lần ký quỹ: 17 lần (Tính cho thời hạn khai thác còn lại của Dự án là 17 năm 6 tháng).

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (Bằng 20% tổng số tiền ký quỹ) là: 250.012.400 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu không trăm mười hai ngàn bốn trăm đồng).

+ Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo (Từ lần thứ 2 trở đi): 62.503.100 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu năm trăm lẻ ba ngàn một trăm đồng).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc Quỹ Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk hoặc các đơn vị khác có chức năng theo quy định pháp luật.

- Thời điểm ký quỹ: Chủ dự án thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện. Sau mỗi lần ký quỹ, Chủ dự án phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

+ Ký quỹ lần đầu: Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường này (được phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường).

+ Ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi: Trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian dự kiến trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt, Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian cấp phép tại Giấy phép khai thác khoáng sản của Dự án và gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh.

5. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của Chủ dự án (Dự án nâng công suất khai thác từ mỏ đang hoạt động, giai đoạn thi công xây dựng ngắn và thực hiện trong thời gian khai thác nên không giám sát giai đoạn xây dựng)

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải: thực hiện theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định (Lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án).

5.2. Giám sát chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: thường xuyên và khi có khối lượng bàn giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom chất thải nguy hại phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại phải được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định (Lồng ghép trong nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án).

5.3. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần số giám sát: 6 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 02 điểm

+ 01 điểm tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của khu chế biến (cách 50 m về cuối hướng gió), cụ thể: Khi đặt hệ thống đập nghiền sàng tại khu vực 1, tọa độ vị trí giám sát là: X = 1427520 m, Y = 439150 m. Khi di dời, đặt hệ thống đập nghiền sàng tại khu vực 2, tọa độ vị trí giám sát là: X = 1427480 m, Y = 439410 m.

+ 01 điểm tại đường giao thông liên xã cắt qua Dự án (giữa hai khu vực khai thác), tọa độ vị trí giám sát là: X = 1427418 m, Y = 438737 m.

- Thông số chọn lọc: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.4. Giám sát nước tháo khô moong:

- Tần số giám sát: 3 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm (01 điểm sau hố lắng của khu vực 1, trước khi xả vào khe cạn; tọa độ vị trí giám sát là: X = 1427410 m, Y = 438430 m; 01 điểm sau hố lắng của khu vực 2, trước khi xả vào khe cạn, tọa độ vị trí giám sát là: X = 1427608 m, Y = 438983 m.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Nitrit (NO₂⁻), Phốt phat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ khoáng, tổng Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, hệ số K_q = 0,9; K_f = 0,9).

5.5. Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- Tần số giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giếng nước khu vực phụ trợ.

- Thông số chọn lọc: pH, độ đục, Độ cứng tổng số (theo CaCO_3), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH_4^+ tính theo N), Nitrat (NO_3^- tính theo N), Nitrit (NO_2^- tính theo N), Clorua (Cl^-), Sắt (Fe), Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.6. Các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Vị trí giám sát: Các vị trí xung yếu của khu vực khai thác và bãi thải; khu vực phụ trợ và vùng lân cận (chịu tác động bởi hoạt động dự án).

- Nội dung giám sát:

+ Xác định các nguy cơ, sự cố do sụt lún, sạt lở đất, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác xảy ra;

+ Việc thực hiện các quy định về an toàn và vệ sinh lao động; phòng cháy chữa cháy; an toàn điện.

+ Giám sát chấn động, đá văng, ảnh hưởng tác động sóng không khí.

- Tuân thủ theo các quy định về tiêu thoát nước; phòng cháy chữa cháy; an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định pháp luật liên quan. Tuân thủ QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 01:2019/BCT; báo cáo kết quả giám sát theo hướng dẫn tại Điều 28 QCVN 01:2019/BCT hướng dẫn báo cáo kết quả giám sát.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được triển khai xây dựng dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai và khoáng sản theo quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về độ chính xác, tin cậy của toàn bộ dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai, vận hành dự án; đền bù thiệt hại đối với các công trình bị hư hại do hoạt động của dự án gây ra.

6.4. Khoanh định hành lang khai thác, ranh giới chiếm dụng đất của Dự án. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, công suất, trữ lượng và thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

6.5. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về môi trường và an toàn trong khai thác lộ thiên, quy chuẩn quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động Dự án. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, sóng chấn động, sóng va đập không khí, đá văng và sự cố sụt lún, sạt lở đất; đảm bảo an toàn đối với người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

6.6. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án và đưa vào vận hành các công trình này quy định. Xây dựng hệ thống thoát nước tháo khô moong và thường xuyên nạo vét khu vực khe cạn. Thu gom, xử lý toàn bộ các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án theo đúng phương án đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo xử lý nước thải tháo khô moong đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B với hệ số $K_q=0,9$; $K_f=0,9$) trước khi chảy ra khe cạn và thoát ra suối Đăk M'Droh.

6.7. Thường xuyên theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, chấn động nổ mìn, mực nước ngầm xung quanh; giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình tại các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác và các bãi thải để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức có liên quan để phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

6.8. Tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định hiện hành về tài nguyên nước liên quan đến việc hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước dưới đất tại khu vực được phê duyệt, phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.9. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản; thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.10. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường; công tác cải tạo, phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường, việc thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã

được phê duyệt tại Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.11. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu có sự thay đổi liên quan đến công trình bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền để kịp thời xem xét, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./.